

Bản án số: **62/2024/DS-ST**

Ngày: 16/7/2024

V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Trần Trung Nam

- Bà Nguyễn Thị Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Lê Ngọc Linh- Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-DS ngày 05/6/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-DS ngày 21/6/2024. giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* **Bà Trần Anh T**; sinh năm 1989; Địa chỉ: F T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Công T1, sinh năm 1989; CCCD số 049089018367 Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/9/2022; địa chỉ: xã H, huyện H, TP . tham gia theo Giấy ủy quyền công chứng ngày 23/12/2023. Có mặt.

\* *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Bích T2**, sinh năm 1980 và ông **Nguyễn Phúc Q**, sinh năm: 1980; Địa chỉ thường trú: K đường P, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*\* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2023, Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 30/6/2023, bà Trần Anh T có cho vợ chồng ông Nguyễn Phúc Q và bà Lê Thị Bích T2 vay số tiền 400.000.000đồng. Hai bên thực hiện giao dịch tại Văn phòng C, thành phố Đà Nẵng, ông Q và bà Thư ký hợp đồng vay, hợp đồng được công chứng đúng quy định pháp luật.

Theo hợp đồng thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày hợp đồng được công chứng, mức lãi suất thỏa thuận không vượt quá lãi suất tối đa của ngân hàng N, mục đích: Thanh toán tiền mua nhà. Ngoài ra hợp đồng còn ghi nhận thỏa thuận các quyền và nghĩa vụ của hai bên cho vay và bên vay.

Sau khi hợp đồng được ký kết bà T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bên cho vay tuy nhiên hết thời hạn 01 tháng theo hợp đồng thì phía bên vay là ông Nguyễn Phúc Q và bà Lê Thị Bích T2 không trả nợ đúng hạn, mặc dù bà T đã nhiều lần đòi nợ.

Đến tháng 1/2024, bà Trần Anh T khởi kiện để yêu cầu Tòa án xét xử buộc ông Nguyễn Phúc Q và bà Lê Thị Bích T2 trả số tiền vay 400.000.000 đồng; Tiền lãi tạm tính từ ngày 30/6/2023 đến ngày 30/11/2023 là  $400.000.000 \text{đồng} \times 5 \text{ tháng} \times 1.65\%/\text{tháng} = 33.000.000 \text{đồng}$ . Tổng số tiền là 433.000.000đồng. Đồng thời đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi đến khi xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thống nhất thay đổi mức lãi suất từ 1.65% còn 10%/năm là 0.83%/ tháng theo quy định của Bộ luật dân sự cụ thể:

Tiền lãi tạm tính từ ngày 30/6/2023 đến ngày 16/7/2024 là  $400.000.000 \text{đồng} \times 12 \text{ tháng} \times 0.83\%/\text{tháng} = 41.500.000 \text{đồng}$ .

Như vậy, ông Nguyễn Phúc Q và Lê Thị Bích T2 phải trả cho bà Trần Anh T cả gốc và lãi vay số tiền 441.500.000đồng

*\* Bị đơn* ông Nguyễn Phúc Q và bà Lê Thị Bích T2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông Nguyễn Phúc Q và bà Lê Thị Bích T2 về yêu cầu khởi kiện của bà Trần Anh T3.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]** Về tố tụng:

Bà Trần Anh T kiện ông Nguyễn Phúc Q và bà Lê Thị Bích T2 có địa chỉ K đường P, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. về việc "*Tranh chấp hợp đồng*

vay tài sản". Do đó, thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện giữa nguyên đơn bà Trần Anh T với bị đơn ông Nguyễn Phúc Q và bà Lê Thị Bích T2 thuộc Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Phúc Q và bà Lê Thị Bích T2 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông Q và bà T2 không có mặt trong quá trình tố tụng, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Nguyễn Phúc Q và bà Lê Thị Bích T2.

**[2]** Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Anh T yêu cầu ông Nguyễn Phúc Q và bà Lê Thị Bích T2 trả số tiền 441.500.000đồng Trong đó: Nợ gốc 400.000.000đồng; Nợ lãi tính từ ngày 30/06/2023 đến ngày 16/7/2024 là 41.500.000đồng, thì thấy:

**[2.1]** Về nợ gốc: Căn cứ hợp đồng vay tiền bản gốc do nguyên đơn xuất trình thì vào ngày 30/06/2023, thì ông Nguyễn Phúc Q và bà Lê Thị Bích T2 có ký hợp đồng vay tiền với nội dung vay của bà Trần Anh T số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 tháng, lãi suất theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định của ngân hàng N. Hợp đồng vay tiền được các bên ký kết và được công chứng đúng quy định.

Theo bà Trần Anh T, sau khi hết hạn vay, bà liên hệ ông Q và bà T2 đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Nguyễn Phúc Q và bà Lê Thị Bích T2 không trả cho bà bất kỳ khoản tiền nào. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Phúc Q và bà Lê Thị Bích T2 để lấy lời khai nhưng ông Q và bà T2 không đến nên không thể ghi nhận ý kiến, căn cứ lời khai của bà T và chứng cứ bà T xuất trình nên HĐXX chấp nhận số nợ gốc ông Q và bà T2 còn nợ bà T là 400.000.000đồng.

**[2.2]** Về tiền lãi: Căn cứ thỏa thuận tại giấy mượn nợ, thời hạn vay 1 tháng, tính lãi từ ngày ký hợp đồng vay ngày 30/06/2023, mức lãi suất thỏa thuận không vượt quá lãi suất tối đa của ngân hàng N. Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 1.65%/tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi mức lãi suất 10%/năm (0.83%/tháng) phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự nên HĐXX chấp nhận

**[2.3]** Từ những phân tích trên xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Anh T buộc ông Nguyễn Phúc Q và bà Lê Thị Bích T2 trả số tiền 441.500.000đồng. Trong đó: Nợ gốc 400.000.000 đồng; Nợ lãi tính từ ngày 30/06/2023 đến ngày 16/7/2024 là :  $400.000.000\text{đồng} \times 12\text{ tháng} \times 0.83\%/tháng = 41.500.000$  là có căn cứ là phù hợp với các quy định tại Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự nên HĐXX chấp nhận.

**[3]** Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Ông Nguyễn Phúc Q và bà Lê Thị Bích T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.660.000 đồng

- Hoàn trả cho Trần Anh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 10.660.000 đồng (*Mười triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0001172 ngày 04/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của bà Trần Anh T đối với ông Nguyễn Phúc Q và bà Lê Thị Bích T2 về nợ gốc và nợ lãi.

### **Tuyên xử:**

**1.** Buộc ông Nguyễn Phúc Q và bà Lê Thị Bích T2 phải trả cho bà Trần Anh T số tiền 441.500.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi một triệu đồng*). Trong đó: nợ gốc 400.000.000 đồng; Nợ lãi là 41.500.000 đồng

Kể từ thời điểm người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

### **2 . Về án phí:**

- Ông Nguyễn Phúc Q và bà Lê Thị Bích T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.660.000 đồng (*Hai mươi một triệu sáu trăm sáu mươi triệu đồng*).

- Hoàn trả cho Trần Anh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 10.660.000 đồng (*Mười triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0001172 ngày 04/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**3.** Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 28/3/2023; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Xuân**